TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2017/DS-ST
Ngày: 01-8-2017
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hoàng

Ông Nguyễn Văn Ghên

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2017/QĐXXST-DS ngày 05/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2017/QĐST-DS ngày 25/7/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Trường L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện N, Long An.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1978;

Bà Trần Thị K, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: ấp 5, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An.

(nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Trường L trình bày: Ngày 22/8/2015, tại nhà của ông Võ Văn T và bà Trần Thị K, ngụ tại ấp 5, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An. Ông có cho ông T, bà K vay số tiền 150.000.000đ. Ngày 28/8/2016, vợ chồng ông T, bà K có trả cho ông được 45.000.000đ và trả cho ông một khoản tiền lãi. Từ đó đến

nay, ông T, bà K không trả cho ông thêm được khoản tiền nào. Nay ông Lê Trường L yêu cầu vợ chồng ông T, bà K trả lại cho ông số tiền vay còn nợ là 150.000.000đ – 45.000.000đ = 105.000.000đ, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu ông T, bà K trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông L không yêu cầu thêm vấn đề gì khác.

Tại bản tự khai ngày 04/3/2017, biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2017 và ngày 25/7/2017, bị đơn là bà Trần Thị K trình bày: Bà thừa nhận có vay của ông L số tiền 150.000.000 đồng và thừa nhận chữ ký, chữ viết dấu lăn tay của vợ chồng bà trong hợp đồng vay tiền ngày 22/8/2015 là của bà và ông T. Sau đó, vợ chồng bà có trả cho ông L được 45.000.000 đồng và tiền lãi. Nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên vợ chồng bà chưa trả số tiền còn nợ cho ông L. Hiện tại, vợ chồng bà còn thiếu của ông L là 105.000.000 đồng. Nay ông L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả tiền nợ 105.000.000 đồng thì bà cũng đồng ý, nhưng cho vợ chồng bà trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi xong hết nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2017, bị đơn là ông Võ Văn T có ý kiến: Ông thừa nhận chữa viết, chữ ký, dấu lăn tay trong hợp đồng vay tiền ngày 22/8/2015 là của ông, nhưng khi đó vợ ông và ông L nói chỉ vay 30.000.000đ, việc vay 150.000.000đ của ông L thì ông hoàn toàn không biết.

Về chứng cứ của bị đơn: do ông T, bà K luôn vắng mặt nên không xuất trình chứng cứ, đồng thời không tiến hành hoà giải, đối chất được cũng như không thực hiện được quyền tranh luận tại Toà để chứng minh cho quyền lợi của mình là lỗi của bị đơn.

Ngày 19/4/2017, ông Lê Trường L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, căn cứ khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Võ Văn T, bà Trần Thị K vắng mặt. Nguyên đơn ông Lê Trường L vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và không cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: căn cứ vào hồ sơ và các chứng cứ do các đương sự cung cấp, cũng như tại phiên tòa thì bà Trần Thị K có lời khai thừa nhận có vay số tiền 150.000.00 đồng của ông L và còn nợ của ông L là 105.000.000 đồng, nhưng ông Võ Văn T có lời khai không thống nhất chỉ thừa nhận có vay của ông L 30.000.000 đồng, chứ không phải vay 150.000.000 đồng, nhưng ông T luôn vắng mặt không đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền lợi của mình là

lỗi của ông T. Tại phiên Tòa, nguyên đơn là ông Lê Trường L khẳng định việc lập biên bản cho vay tiền tại nhà bà K, ông T và có đọc lại cho các bên cùng nghe. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L; Buộc vợ chồng ông Võ Văn T, bà Trần Thị K có trách nhiệm trả cho ông L số tiền vay còn nợ là 105.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Trường L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Võ Văn T và bà Trần Thị K trả 105.000.000, tiền nợ vay. Do tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân, bị đơn là ông T, bà K cư trú tại ấp 5, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An. Nên Quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Võ Văn T, bà Trần Thị K mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông T vắng mặt trong phiên tòa lần thứ nhất ngày 25/7/2017 nên Tòa án hoãn phiên tòa và Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa số 125/2017/QĐST-DS ngày 25/7/2017 cho ông T, bà K, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T, bà K vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông T, bà K là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trường L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 22/8/2015 thì ông Lê Trường L có cho ông Võ Văn T và bà Trần Thị K vay số tiền là 150.000.000đ và thời hạn trả nợ vào ngày 22/8/2016. Giữa các đương sự không có thỏa thuận nào khác sau khi quá thời hạn trả nợ. Do đó, xác định bà K, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/3/2017, ông T đã thừa nhận chữ ký, dấu lăn trong hợp đồng vay tiền ngày 22/8/2015 là của ông, nhưng ông khẳng định ông chỉ vay của ông L 30.000.000 đồng, còn việc vay 150.000.000 đồng thì ông hoàn toàn không biết. Tuy nhiên, ông T không có chứng cứ, chứng minh cho ý kiến trình bày của mình, nên việc ông T cho rằng chỉ vay của ông L số tiền 30.000.000 đồng là không có căn cứ. Tại bản tự khai ngày 04/3/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2017, bà K đều thừa nhận có vay của ông L số tiền 150.000.000 đồng, xác định chữ ký, chữ viết và dấu lăn tay trong hợp đồng vay tiền ngày 22/8/2015 là của bà và ông T. Bà thừa nhận còn nợ lại của ông L là 105.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng yêu cầu này của bà K ông L không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy

pháp luật không quy định việc trả dần, do đó không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà T là phù hợp với quy định tại các Điều 305, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu ông T, bà K phải trả lãi trên số tiền nợ gốc. Buộc ông T, bà K có trách nhiệm liên đới trả cho ông L 105.000.0000đ, tiền nợ vay khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn ông Võ Văn T, bà Trần Thì K phải chịu 5.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Nguyên đơn ông Lê Trường L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Trường L.

Buộc ông Võ Văn T, bà Trần Thị K có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Trường L số tiền vay còn nợ là 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Võ Văn T, bà Trần Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.250.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Ông Lê Trường L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Trường L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.625.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000067 ngày 13/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Long An.

3. Án xử sơ thẩm công khai, ông Lê Trường L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Văn T, bà Trần

Thị K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương